

# CHỦ TRƯỞNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG (2001-2016)

TRẦN QUỐC VIỆT

*Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

*Ngày nhận:*

27-2-2022

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

28-3-2022

*Ngày duyệt đăng:*

25-4-2022

**Tóm tắt:** Hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung trọng tâm của hội nhập quốc tế và là chủ trương lớn của Đảng xuyên suốt thời kỳ đổi mới. Chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế dần được bổ sung, phát triển cho phù hợp với những thay đổi của tình hình quốc tế và trong nước đã đem lại những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Từ thực tiễn quá trình Đảng hoạch định chủ trương, chỉ đạo thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm 2001-2016 đã để lại những kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong những năm tiếp theo.

**Từ khóa:**

*Chủ trương của Đảng;*

*hội nhập kinh tế quốc tế;*

*2001-2016*

## 1. Chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế (2001-2016)

Trước bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và yêu cầu phát triển kinh tế riêng của mỗi nước, việc thực thi nền kinh tế mở nhằm tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài (vốn, khoa học - công nghệ hiện đại, kinh nghiệm tổ chức và quản lý tiên tiến...) cùng với những ưu thế của phân công lao động quốc tế để khai thác và phát huy các nguồn lực trong nước xây dựng và phát triển kinh tế là xu thế tất yếu và hợp quy luật của thời đại.

Bước vào thế kỷ XXI, trên cơ sở nhận thức rõ bối cảnh thế giới, đồng thời phân tích thế và lực đất nước sau 15 năm đổi mới, Đại hội IX (4-2001) của Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>1</sup>; đồng thời Đảng xác định mô hình phát triển kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH là nền kinh tế thị trường định



Diễn đàn Hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam 2017 tăng cường động lực cho giai đoạn phát triển mới, ngày 20-12-2017

hướng XHCN có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế<sup>2</sup>. Cùng với đó, việc xác định toàn cầu hóa kinh tế và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế được nâng lên một bước mới<sup>3</sup>, Đảng chủ trương: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”<sup>4</sup>. Nhằm thống nhất nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị khóa IX ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW, trong đó, xác định mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế, nêu ra những quan điểm chỉ đạo trong quá trình hội nhập, đồng thời đề ra những nhiệm vụ cần thực hiện trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết số 07-NQ/TW là dấu mốc quan trọng trong quá trình nhận thức

của Đảng về hội nhập kinh tế khi Việt Nam tham gia vào đời sống kinh tế thế giới với tư cách là một thực thể chủ động.

Tại Đại hội X (2006) của Đảng, tư duy và đường lối hội nhập đã được bổ sung thêm một bước, đó là: “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>5</sup>, “hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất”<sup>6</sup>, “Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương”<sup>7</sup>. Về phương châm hội nhập, Đảng nhấn mạnh: “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”<sup>8</sup>; đồng thời bổ sung thêm tư duy về mong muốn “tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”<sup>9</sup> với hàm ý nâng cao tính chủ động, tích cực của mình trong các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham

gia. Sau 11 năm đàm phán để trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), HNTU 4 khóa X (2-2007) của Đảng đã ban hành Nghị quyết “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”, trong đó nhấn mạnh sự kiện Việt Nam gia nhập WTO là một dấu mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, từ đây nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới. Đồng thời, Nghị quyết khẳng định: “hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”<sup>10</sup>.

Đại hội XI (2011) của Đảng bổ sung, phát triển đường lối đối ngoại đáp ứng với tình hình mới, thể hiện ở mục tiêu của đối ngoại là “vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”<sup>11</sup>. Khẳng định lợi ích quốc gia, dân tộc là mục tiêu đối ngoại, là nguyên tắc cao nhất của các hoạt động đối ngoại, Đại hội XI của Đảng chuyển chủ trương: “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”<sup>12</sup> được thông qua tại Đại hội X của Đảng sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”<sup>13</sup>. Với chủ trương này, hội nhập quốc tế không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa-xã hội. Ngày 10-4-2013, Bộ Chính trị khóa XI ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW “Về hội nhập quốc tế”, xác định chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, thực hiện chính sách đối ngoại mở rộng, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Nghị quyết xác định hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế<sup>14</sup>.

Đại hội XII (2016) của Đảng nhấn mạnh: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>15</sup>; “hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế”<sup>16</sup>. Trên cơ sở đó, Đảng chủ trương: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ”<sup>17</sup>. Về nhiệm vụ cụ thể trong công tác hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng chỉ rõ: “Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước”<sup>18</sup>. Nhằm đánh giá hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khi Việt Nam gia nhập WTO, HNTU 4 khóa XII (11-2016) của Đảng ban hành Nghị quyết “Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Nghị quyết xác định mục tiêu: “Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân”, “bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc”, “giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”<sup>19</sup>; đồng thời đề ra các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, chính sách cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế, chính trị - xã hội.

Những chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế (2001-2016) có ý nghĩa quan trọng chỉ đạo quá trình tổ chức triển khai thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

## 2. Quá trình chỉ đạo thực hiện và một số kết quả, kinh nghiệm

Thực hiện chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế, Quốc hội và Chính phủ đã tổ chức triển khai thông qua việc ban hành các văn bản cụ thể như: Nghị quyết số 56/2006/QH11 của Quốc hội, ngày 29-6-2006, “Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 của Đảng”; Nghị quyết số 1052/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 24-10-2015, “Về một số định hướng, nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”... Quyết định số 37/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 14-3-2002, về “Chương trình hành động của Chính phủ để triển khai thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 07/NQ-CP của Bộ Chính trị “Về hội nhập kinh tế quốc tế”; Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP của Chính phủ, ngày 27-2-2007, “Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện NQTU 4 khóa X về một số chủ trương và chính sách để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”; Chỉ thị số 15/2007/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 22-6-2007, “Về một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào Việt Nam”; Quyết định số 174/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 19-11-2007, “Về kiện toàn Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế”; Quyết định số 236/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 20-2-2009, “Phê duyệt Đề án Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài”;

Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 9-1-2012, “Về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 31/NQ-CP của Chính phủ, ngày 13-5-2014, “Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013, của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam “Về hội nhập quốc tế””...

Trên cơ sở đó, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm 2001-2016 đã đạt được một số kết quả như sau:

*Về mở rộng các quan hệ kinh tế quốc tế:* Quan hệ kinh tế quốc tế song phương của Việt Nam ngày càng được mở rộng. Nếu như cuối những năm 80 (thế kỉ XX), Việt Nam mới chỉ có quan hệ thương mại với khoảng 30 nước và vùng lãnh thổ, trong đó chủ yếu là Liên Xô và các nước trong hệ thống XHCN thì đến những năm đầu thế kỷ XXI, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với trên 100 nước và vùng lãnh thổ, đã ký hiệp định thương mại với 84 quốc gia và có thoả thuận về đối xử tối huệ quốc với 81 quốc gia và vùng lãnh thổ<sup>20</sup>. Quan hệ thương mại của Việt Nam đã mở rộng ra 6 châu lục, khai thông các thị trường châu Âu, châu Phi và châu Mỹ. Hàng hóa của Việt Nam đã thâm nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Bắc Mỹ. Kể từ khi Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực ngày 10-12-2001, Hoa Kỳ đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Việt Nam cũng đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Một số hiệp định song phương của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới như: Hiệp định đối tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản (2009), Hiệp định thương mại Việt Nam - Chi Lê (2014), Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do song phương Việt Nam - Hàn Quốc (2015), Hiệp định

thành lập khu vực mậu dịch tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (2016).

Việt Nam chủ động, tích cực gia nhập các tổ chức thương mại khu vực và thế giới với việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN với Trung Quốc (2003), Hàn Quốc (2007), Nhật Bản (2008), Ấn Độ (2010), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia và New Zealand (2010). Đặc biệt, ngày 11-7-2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đánh dấu mốc phát triển mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC - 2015), đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) như: Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); đến năm 2016, Việt Nam đã đàm phán, ký kết và thực hiện 16 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) song phương, đa phương và nhiều bên với 59 đối tác<sup>21</sup>. Việc ký kết Hiệp định FTA cho thấy vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế, thương mại ở cả châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương<sup>22</sup>.

*Về tranh thủ nguồn lực bên ngoài:* Việt Nam đã tranh thủ được đáng kể vốn đầu tư của nước ngoài (FDI). Tính đến tháng 6-2003, Việt Nam đã tranh thủ được FDI của các tập đoàn và các công ty thuộc 77 quốc gia và vùng lãnh thổ<sup>23</sup>. Tính đến hết năm 2003, các dự án đầu tư nước ngoài đạt tổng doanh thu gần 70 tỷ USD (không kể dầu khí), xuất khẩu đạt trên 26 tỷ USD; đồng thời, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm cho 665.000 lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp<sup>24</sup>. Vốn FDI liên tục tăng cả về số lượng dự án và tổng vốn. Năm 2007, với 1.544 dự án, vốn FDI đăng kí đạt 21,3 tỷ USD và thực hiện được 8 tỷ USD<sup>25</sup>. Tính trung bình giai đoạn 2007-2015, mức tăng trưởng xuất khẩu trung bình đạt

16,9%/năm, tỷ lệ xuất khẩu/GDP liên tục tăng, đạt 84,8% năm 2015 (so với mức 62,5% năm 2006). Tính lũy kế đến tháng 12-2015, Việt Nam đã thu hút được 281,8 tỷ USD vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài với 20.069 dự án, đóng góp của khu vực này vào GDP tăng từ 15,2% (năm 2010) lên 18,1% (năm 2015), góp phần chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu Việt Nam theo hướng gia tăng hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao<sup>26</sup>. Tính đến quý I năm 2016, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 3,5 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 216 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm 2,9 tỷ USD, chiếm 72,2% tổng vốn đầu tư đăng ký trong quý I năm 2016. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với 11 dự án cấp mới, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm 239,78 triệu USD, chiếm gần 6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Với dự án lớn tổng vốn đầu tư 210,58 triệu USD, lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi, giải trí đứng thứ ba, chiếm 5,2% tổng vốn đầu tư<sup>27</sup>.

Bên cạnh việc thu hút FDI, Việt Nam cũng tranh thủ được vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của nhiều quốc gia và định chế tài chính quốc tế. Tổng vốn ODA cam kết của các nhà tài trợ cho Việt Nam giai đoạn 1993-2014 đạt 85,195 tỷ USD, tổng vốn ODA giải ngân giai đoạn 2011-2014 là 18.470 triệu USD<sup>28</sup>. Tính lũy kế đến năm 2016, thu hút vốn ODA năm 2016 là 78,7 tỷ USD, giải ngân khoảng 56,7 tỷ USD<sup>29</sup>. Đây chính là những nguồn bổ sung vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, góp phần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước, tạo thế và lực phát triển mới cho nền kinh tế. Với chính sách đối ngoại đổi mới, Việt Nam được cộng đồng thế giới biết đến là một đất nước kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, đạt được nhiều thành tựu kinh

tế và điều này tạo điều kiện cho việc phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại của Việt Nam trong thời gian sau này<sup>30</sup>.

Về lĩnh vực xuất, nhập khẩu, nếu như năm 2000 tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt xấp xỉ 14,5 tỷ USD, đến năm 2006 đạt 39,6 tỷ USD, gấp 2,7 lần năm 2000<sup>31</sup>. Tình hình xuất, nhập khẩu giai đoạn 2001-2010, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa vượt mục tiêu chiến lược với mức tăng bình quân 17,42%/năm (chỉ tiêu 15%/năm) và cao gấp 2,4 lần nhịp độ tăng GDP<sup>32</sup>. Năm 2012, Việt Nam xuất khẩu 114,6 tỷ USD và nhập khẩu 114,3 tỷ USD và là năm đầu tiên Việt Nam thặng dư trong lĩnh vực xuất khẩu. Đến năm 2014, thặng dư thương mại là 2,37 tỷ USD<sup>33</sup>. Trong 5 năm (2011-2015), tổng mức lưu chuyển ngoại thương hàng hóa, dịch vụ đạt 1.439,5 tỷ USD, gấp gần 2,1 lần giai đoạn 2006-2010<sup>34</sup>. Kim ngạch xuất khẩu năm 2016 đạt 176,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015<sup>35</sup>.

Có thể thấy, những kết quả trên đây là những ngoại lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (năm 2008), tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) vẫn đạt bình quân trên 6%/năm trong 10 năm (2007-2016). Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 48,6 triệu đồng, tương đương 2.215 USD, trong khi năm 2007 là 835 USD<sup>36</sup> và năm 2001 là 416 USD<sup>37</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hội nhập kinh tế quốc tế vẫn còn một số hạn chế như: chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ; quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế chưa được thực hiện một cách đồng bộ; cơ chế chính sách còn chậm thay đổi hoặc thay đổi chưa đồng bộ; chưa tận dụng được tối đa các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại; chưa kết hợp và phát huy tốt nguồn lực bên ngoài với nguồn lực

trong nước để phát triển; hội nhập kinh tế quốc tế chưa được phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với hội nhập trong lĩnh vực khác...

Từ những kết quả đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm 2001-2016, có thể đúc rút một số kinh nghiệm như sau:

*Một là*, chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế đúng đắn, kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới và khu vực, đồng thời phù hợp với sự chuẩn bị và mức độ sẵn sàng của nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giữ vững định hướng XHCN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*Hai là*, coi hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Nhân dân là chủ thể của hội nhập, người được hưởng thành quả và cũng là người chịu tác động trực tiếp từ hội nhập. Nâng cao nhận thức hội nhập kinh tế quốc tế đối với các doanh nghiệp, qua đó tận dụng tối đa lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế đồng thời tránh những rủi ro trong các tranh chấp thương mại quốc tế.

*Ba là*, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế phải kiên định mục tiêu vì lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, phải luôn xác định giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tập trung nguồn lực để phát triển đất nước, đồng thời kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, tăng cường quan hệ với bạn bè, đối tác quốc tế.

*Bốn là*, thống nhất nhận thức và hành động trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng tầm nhìn dài hạn về mục tiêu kinh tế, chính trị, đối ngoại trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Quán

triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp, các ngành, phổ biến rộng rãi trong nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp.

Trong những năm 2001-2016, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và đạt được những kết quả quan trọng; mở rộng và đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Một số kinh nghiệm rút ra từ quá trình thực hiện chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn này có giá trị tham khảo, nhằm nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước trong thời gian tiếp theo.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG-ST, H, 2016, T. 60, tr. 206, 181, 236, 207

5, 6, 7, 8, 9, 12. *Số 1*, 2018, T. 65, tr. 178, 211, 211, 209, 209, 209

10. *Số 1*, T. 66, tr. 25-26

11, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG-ST, H, 2011, tr. 83, 46

14. Xem <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghe-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-264>

15, 16, 17, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG-ST, H, 2016, tr. 111, 154-155, 111, 35

19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2011-2015 (lưu hành nội bộ)*, Nxb CTQG-ST, H, 2016, tr. 71

20, 23. Bộ Thương Mại, Trường Đại học Ngoại Thương: *Thương mại Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, H, 2003, tr. 23, 153

21. Phạm Thị Khanh, Phí Thị Hằng: *Tác động hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Nxb LLCT, H, 2019, tr. 57

22. Học viện Chính trị khu vực II: *Một số nội dung cơ bản trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII về phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh*, Nxb CTQG-ST, H, 2018, tr. 339

24. Phan Hữu Thắng: “Về đầu tư nước ngoài hiện nay ở Việt Nam”, Tạp chí *Thông tin đối ngoại*, số 1-2004, tr. 14

25, 36. Đinh Trung Sơn: “Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6-2017, tr. 27-28, 27

26. Vũ Văn Phúc: *Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta lý luận và thực tiễn*, Nxb CTQG-ST, H, 2017, tr. 40

27. <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/457641e2-2605-4632-bbd8-39ee65454a06/NewsID/48afe60f-69d2-4d20-a739-c26aee31cc5c>

28. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/vchi-tiet-tin?dDocName=MOF150553](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/vchi-tiet-tin?dDocName=MOF150553)

29. <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=22284>

30. Trình Mưu, Vũ Quang Vinh: *Quan hệ quốc tế những năm đầu thế kỷ XX vấn đề, sự kiện và quan điểm*, Nxb LLCT, H, 2005, tr. 210 - 213

31. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/3743/xuat-khau-hang-hoa-viet-nam-giai-doan-2000-2006-thuc-tien-va-nhung-van-de-dat-ra.aspx>

32. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/giai-doan-20012010-tang-truong-xuat-khau-hang-hoa-tang-binh-quan-1742nam-97726.html>

33. Nguyễn Chiến Thắng, Lý Hoàng Mai: “Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2000-2019”, Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 11-2019, tr. 17

34. Phạm Bình Minh: “Hội nghị ngoại giao lần thứ 29: Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế - thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 3-2016, tr. 23

35. Bộ Công thương: *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2016*, Nxb Công thương, H, 2016, tr. 13

36. <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?dTin=15467&idcm=188>